

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



LÊ THỊ LIÊN

**PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG CHUYỂN
QUYỀN SỬ DỤNG QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP
(LI-XĂNG)**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 838 01 07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2018

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Đoàn Đức Lương

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc lựa chọn đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu của đề tài	2
3. Mục đích, nhiệm vụ của đề tài.....	3
4. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu của đề tài.....	4
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu	4
6. Những đóng góp mới của luận văn	5
7. Bố cục của luận văn.....	5
Chương 1.MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ KHUNG PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP.....	6
1.1. Khái quát về hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp.....	6
1.1.1 Khái niệm, đặc điểm quyền sở hữu công nghiệp	6
1.1.1.1. Khái niệm quyền sở hữu công nghiệp.....	6
1.1.1.2. Đặc điểm quyền sở hữu công nghiệp	6
1.1.2. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp.....	7
1.1.2.1. Khái niệm hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp.....	7
1.1.2.2. Đặc điểm hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp.....	8
1.1.3. Phân loại hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp.....	8
1.1.3.1. Căn cứ vào đối tượng hợp đồng	8
1.1.3.2. Căn cứ phạm vi quyền của bên nhận li chuyển giao.....	9
1.1.3.3. Căn cứ tính tự nguyện	9
1.1.3.4. Căn cứ vào khả năng chuyển tiếp.....	9
1.2. Khung pháp luật về hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp.....	9
1.2.1. Pháp luật về chủ thể của hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp.....	9
1.2.2. Pháp luật về nội dung của hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp.....	9

1.2.3. Pháp luật về hình thức của hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp.	9
1.3. Khái quát pháp luật một số nước về hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp và những kinh nghiệm cho pháp luật Việt Nam ..	10
1.3.1. Khái quát pháp luật một số nước về Hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp	10
1.3.2. Những kinh nghiệm cho pháp luật Việt Nam	10
TIÊU KẾT CHƯƠNG 1.....	Error! Bookmark not defined.
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP	12
2.1. Thực trạng pháp luật về hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp	12
2.1.1. Pháp luật hiện hành về hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp	12
2.1.1.1. Pháp luật về chủ thể của hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp	12
2.1.1.2. Pháp luật về nội dung của hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp.	12
2.1.1.3. Pháp luật về hình thức của hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp.	12
2.1.2. Đánh giá những quy định pháp luật hiện hành về hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp.....	12
2.1.2.1. Về chủ thể hợp đồng	13
2.1.2.2. Về nội dung và hình thức hợp đồng.....	13
2.2. Thực tiễn thực hiện hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp	13
2.2.1. Đánh giá chung.....	13
2.2.2. Một số vướng mắc trong thực hiện hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp	13
2.2.2.1. Một số vướng mắc về chủ thể trong thực hiện hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp.....	13
2.2.2.2. Một số vướng mắc về nội dung và hình thức trong thực hiện hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp.....	13
TIÊU KẾT CHƯƠNG 2.....	14
Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN	

PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP	15
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp.....	15
3.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp.....	15
3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật.....	15
3.2.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp	15
TIỂU KẾT CHƯƠNG 3	17
KẾT LUẬN.....	18
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc lựa chọn đề tài

Từ nhu cầu cấp thiết của xã hội về phát triển tài sản vô hình, Việt Nam đã có những bước tiến quan trọng trong việc hình thành và hoàn thiện chế định pháp luật liên quan đến tài sản SHTT, nhằm bảo vệ các quyền về sở hữu trí tuệ, thúc đẩy sự sáng tạo, phát triển hơn nữa những nguồn tài nguyên này. Khẳng định các quy định pháp luật về SHTT đã tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động SHTT nói chung, SHCN nói riêng cũng như hoạt động chuyển quyền sử dụng quyền SHCN. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa, cùng với sự phát triển, hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo hộ và thực thi quyền SHTT theo các chuẩn mực của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), trong những năm gần đây, Nhà nước ta đã dành sự quan tâm lớn đến hoạt động chuyển quyền sử dụng quyền SHCN. Kể từ Bộ luật dân sự năm 1995 đã có chế định riêng về quyền SHCN, đến Bộ luật dân sự năm 2005 đã dành hẳn một chương cho Quyền sở hữu công nghiệp. Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 và sửa đổi, bổ sung năm 2009 cùng các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành đã cho thấy tầm quan trọng của quyền SHCN cũng như việc chuyển quyền SHCN. Bộ luật dân sự năm 2015 được ban hành đã bỏ chương về Quyền sở hữu công nghiệp và Quyền đối với giống cây trồng để thống nhất quy định quyền sở hữu công nghiệp với Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tuy nhiên, bản chất của hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền SHCN trước tiên là một dạng hợp đồng dân sự, việc chỉ có Luật Sở hữu trí tuệ điều chỉnh hợp đồng này gây ra nhiều bất cập, chưa phù hợp với thực tiễn và tinh thần pháp luật.

Chuyển quyền sử dụng quyền SHCN cũng là một nội dung quan trọng trong các quyền SHTT cũng như chuyển giao công nghiệp. Hoạt động CGCN được quy định ở một Luật riêng là Luật chuyển giao công nghệ thì hoạt động chuyển quyền sử dụng quyền SHCN chỉ được quy định trong một chương của Luật SHTT và một vài nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều về sở hữu công nghiệp, việc còn rải rác các quy định về chuyển quyền sử dụng quyền SHCN gây bất cập cho việc áp dụng và thực hiện pháp luật. Về thực tiễn, trên cơ sở thiếu thống nhất, đồng bộ các quy định pháp luật nên gây nên nhiều cách hiểu khác nhau, cách thực hiện khác nhau cho cùng một vấn đề, sự phát triển, hội nhập nhanh chóng của nền kinh tế - xã hội cũng kéo theo hệ lụy pháp luật không còn phù hợp với thực tiễn. Hiện nay cuộc cách mạng

công nghiệp 4.0 diễn ra trên toàn cầu thì việc chuyển giao công nghệ diễn ra sôi động, là tác nhân thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có hợp đồng li-xăng. Tuy nhiên, thực tế ở nước ta thì hình thức hợp đồng này còn khá mới mẻ, nhiều doanh nghiệp còn lung túng khi thỏa thuận và xác lập hợp đồng.

Từ những lý do trên, tôi chọn đề tài **“Pháp luật về hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp”** để đi sâu và phân tích, đánh giá các quy định của pháp luật về nội dung trên nhằm góp phần giải quyết một số vướng mắc, đưa ra đóng góp hoàn thiện hệ thống pháp luật về hoạt động chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Tại Việt Nam, vào những năm gần đây, vấn đề quyền SHCN nói chung, chuyển quyền sử dụng quyền SHCN nói riêng được nhiều người quan tâm nghiên cứu. Vì vậy, đã có một số công trình, tài liệu, nghiên cứu về vấn đề này.

Đề tài sẽ một mặt kế thừa các nghiên cứu đã có về vấn đề này đồng thời nghiên cứu một cách có hệ thống, sâu hơn về hợp đồng chuyển quyền các quyền sở hữu công nghiệp.

“Chuyển giao quyền sử dụng các đối tượng sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật Việt Nam”, 2015, của tác giả Trần Khánh Ly, luận văn Thạc sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Luận văn đã nghiên cứu lý luận chung về quyền sở hữu công nghiệp, quyền sử dụng các đối tượng sở hữu công nghiệp; đồng thời phân tích, so sánh, đánh giá các quy định pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về quyền sở hữu công nghiệp từ đó có một số đóng góp hoàn thiện pháp luật về chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp. Tuy nhiên, trong phạm vi luận văn chỉ nghiên cứu về việc chuyển giao quyền sử dụng các đối tượng sở hữu công nghiệp mà chưa chuyên sâu về nội dung hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng các đối tượng sở hữu công nghiệp cũng như luận văn chưa đưa ra được các giải pháp hoàn thiện pháp luật về hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền SHCN một cách cụ thể.

Đề tài kế thừa một số nội dung như lý luận chung về quyền sở hữu công nghiệp và quyền sử dụng các đối tượng sở hữu công nghiệp, khái quát pháp luật một số nước về chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.

“ Hợp đồng li-xăng nhãn hiệu hàng hóa trong thương mại quốc tế theo pháp luật Việt Nam và pháp luật nước Ngoài”, 2015, Bùi Thị Minh, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Luận văn đã nghiên cứu về tổng quan nhãn hiệu và li - xăng nhãn hiệu hàng hóa; đánh giá tổng quan về loại hợp đồng li-xăng nhãn hiệu hàng hóa theo pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài. Luận văn cũng nêu ra thực trạng giao kết và thực hiện hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu ở Việt Nam, đưa ra các giải pháp khắc phục những bất cập của quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu ở Việt Nam.

Luận văn chỉ mới chỉ nghiên cứu về một trong các đối tượng của hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp đó là quyền sử dụng nhãn hiệu. Do đó, khóa luận thừa kế một số nội dung về đối tượng sở hữu công nghiệp là nhãn hiệu, một số quy định của pháp luật nước ngoài về nhãn hiệu.

“Thực trạng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp ở Việt Nam hiện nay và giải pháp hoàn thiện”, 2014, Đặng Thành Trung, Khóa luận tốt nghiệp, Đại học Cần Thơ.

Khóa luận đã nghiên cứu lý luận chung về quyền sở hữu công nghiệp, vai trò, ý nghĩa của quyền sở hữu công nghiệp và việc chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp, đưa ra được thực trạng và thực tiễn hoạt động chuyển giao quyền công sở hữu công nghiệp, đánh giá và nêu giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật.

“Pháp luật Liên Minh Châu Âu về hợp đồng li-xăng nhãn hiệu và một số bài học kinh nghiệm”. Đề tài nghiên cứu khoa học của Viện nghiên cứu lập pháp nghiệm thu năm 2014.

Đề tài nghiên cứu pháp luật nước ngoài về li-xăng nhãn hiệu, một hình thức chuyển giao quyền sử dụng khá phổ biến ở các quốc gia phát triển. Bên cạnh những phân tích về hợp đồng li-xăng nhãn hiệu thì còn đề cập khai thác có hiệu quả nhãn hiệu được bảo hộ.

Luận văn kế thừa một số nội dung khi phân tích về li - xăng nhãn hiệu trong phần lý luận ở Chương 1.

3. Mục đích, nhiệm vụ của đề tài

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của đề tài nghiên cứu nhằm đưa ra các nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật và thực hiện pháp luật về hợp đồng chuyển quyền

các quyền sở hữu công nghiệp trên cơ sở luận giải các vấn đề lý luận, đánh giá các quy định pháp luật và thực tiễn thực hiện ở Việt Nam.

3.2 Nhiệm vụ nghiên cứu

- Phân tích, làm rõ các vấn đề lý luận về khái niệm, đặc điểm, bản chất của quyền sở hữu công nghiệp, đối tượng sở hữu công nghiệp và hoạt động chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.

- Phân tích thực trạng pháp luật điều chỉnh hợp đồng li - xăng và thực tiễn thực hiện pháp luật trên cơ sở đó tìm ra những vướng mắc cụ thể trong quá trình áp dụng và thực hiện pháp luật làm cơ sở cho các giải pháp.

- Đưa ra các nhóm giải pháp để hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật về hợp đồng chuyển quyền các quyền sở hữu công nghiệp

4. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu của đề tài

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu các quy định pháp luật về hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền SHCN, nghiên cứu thực tiễn thực hiện pháp luật thông qua tổng kết hàng năm của Cục SHTT về đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền SHCN qua các vụ việc điển hình.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Không gian: đề tài tập trung nghiên cứu về hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp một cách tự nguyện giữa các chủ thể trong nước.

Đề tài phân tích, đánh giá pháp luật hiện hành về Hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp nhưng thực tiễn có thể lấy vụ việc trước khi pháp luật hiện hành có hiệu lực.

Cách thể hiện Hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp (đồng nghĩa với hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp) theo cách gọi của Luật SHTT năm 2005. Bản chất là sử dụng một số quyền theo hợp đồng mà đối tượng là quyền sở hữu công nghiệp.

- Thời gian: Đề tài nghiên cứu thực tiễn thực hiện pháp luật trong phạm vi từ năm 2012 đến hết năm 2017.

- Địa bàn nghiên cứu : Cả nước

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Chủ nghĩa duy vật biện chứng của Mác - Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng và thực hiện quyền sở hữu công nghiệp nói chung, hoạt động chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp nói riêng.

Trên cơ sở các thành tựu của các chuyên ngành khoa học pháp lý: lịch sử nhà nước và pháp luật; lý luận nhà nước và pháp luật, triết học,...

5.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích, tổng hợp: được sử dụng trong luận văn để phân tích các quy định của pháp luật. Phân tích các số liệu thu thập, những vụ việc điển hình; được sử dụng trong toàn khóa luận.

- Phương pháp so sánh: được sử dụng trong luận văn để so sánh quy định của các luật, luật chung với luật chuyên ngành; so sánh số liệu thống kê của các năm từ đó đưa ra đánh giá; đánh giá sự tương thích giữa các luật trong nước, với điều ước.

- Phương pháp thống kê: được sử dụng để thống kê tình hình đăng ký hợp đồng chuyển quyền tại Cục Sở hữu trí tuệ giai đoạn 2012 - hết năm 2016 được sử dụng chủ yếu ở chương 2.

Luận văn còn sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu khác: Phương pháp bình luận, diễn giải,...

6. Những đóng góp mới của luận văn

- Về lý luận: Luận văn đã hệ thống cơ sở lý luận về hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp qua việc nghiên cứu các khái niệm, đặc điểm, phân loại; luận văn phân tích một số quy định pháp luật nước ngoài và rút những kinh nghiệm làm cơ sở cho hoàn thiện pháp luật Việt Nam.

- Về thực tiễn: Luận văn có những đánh giá các quy định của pháp luật hiện hành, đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật và đưa ra những vướng mắc.

Từ việc nghiên cứu lý luận và thực tiễn, Luận văn đã đưa ra nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật về hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp.

7. Bố cục của luận văn

Nội dung đề tài gồm 3 chương:

Chương 1 Một số vấn đề lý luận về hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp.

Chương 2. Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp.

Chương 3. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ KHUNG PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

1.1. Khái quát về hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp

1.1.1 Khái niệm, đặc điểm quyền sở hữu công nghiệp

1.1.1.1. Khái niệm quyền sở hữu công nghiệp

Khái niệm quyền SHCN là một bộ phận cấu thành của một khái niệm có nội hàm rộng hơn, quyền SHTT. Quyền sở hữu trí tuệ là một khái niệm pháp lý nhưng được sử dụng rộng rãi trong các lĩnh vực dân sự, kinh tế - thương mại - đầu tư, hành chính, hình sự dùng để chỉ quyền của chủ thể đối với tài sản trí tuệ. Theo Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) thì “quyền sở hữu trí tuệ bao gồm các quyền liên quan tới các tác phẩm khoa học, nghệ thuật và văn học; chương trình biểu diễn của các nghệ sĩ, các bản ghi âm và chương trình phát thanh, truyền hình; sáng chế trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của con người; các phát minh khoa học; các kiểu dáng công nghiệp; các nhãn hiệu hàng hóa, nhãn hiệu dịch vụ, các chỉ dẫn và tên thương mại; bảo hộ chống cạnh tranh không lành mạnh và tất cả các quyền khác là kết quả của hoạt động trí tuệ trong lĩnh vực công nghiệp, khoa học, văn học hoặc nghệ thuật”¹.

Theo pháp luật Việt Nam, tại khoản 4 Điều 4 Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2009 quyền sở SHCN là “quyền của tổ chức, cá nhân đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lí, bí mật kinh doanh do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh.”².

1.1.1.2. Đặc điểm quyền sở hữu công nghiệp

Quyền sở hữu công nghiệp là quyền tài sản do đó nó có đầy đủ các đặc tính của quyền sở hữu tài sản nói chung, đó là: chủ sở hữu có toàn quyền đối với tài sản của mình bao gồm quyền khai thác giá trị đối tượng sở hữu công nghiệp, sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, được quyền chuyển nhượng hoặc chuyển quyền sử dụng quyền SHCN, và

¹Công ước thành lập tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới WIPO tại Stockholm ngày 14/7/1967

²Điều 4 luật sở hữu trí tuệ năm 2005 sửa đổi, bổ sung 2009,

<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/So-huu-tri-tue/Luat-So-huu-tri-tue-2005-50-2005-QH11-7022.aspx>

không ai được sử dụng tài sản đó nếu không được sự cho phép của chủ sở hữu.

Từ khái niệm ở 1.1.1.1 và xuất phát từ tính đặc thù của đối tượng SHCN, quyền sở hữu công nghiệp có những đặc trưng sau:

Thứ nhất, quyền SHCN là một tài sản vô hình, gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại giá trị kinh tế, giá trị xã hội.³

Thứ hai, quyền SHCN được bảo hộ theo thời hạn của văn bằng bảo hộ và bị giới hạn về không gian và thời gian.

Thứ ba, quyền sử dụng là quyền quan trọng nhất. Chủ sở hữu không thể chiếm hữu (cầm, nắm, giữ) tài sản. Việc khai thác giá trị quyền được thực hiện thông qua hành vi sử dụng đối tượng. Bản thân các đối tượng sở hữu công nghiệp không tạo ra giá trị mà chúng phải được ứng dụng vào những loại vật chất hữu hình cụ thể và phát sinh giá trị qua trình sử dụng, vận hành, khai thác các loại vật chất hữu hình này.

Thứ tư, quyền sở hữu công nghiệp bảo hộ về nội dung. Khác với quyền tác giả bảo hộ về hình thức thì quyền sở hữu công nghiệp hướng tới bảo hộ về nội dung của ý tưởng sáng tạo. Quyền SHCN bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp thông qua các quy định cấm người khác không được sử dụng đối tượng đang được bảo hộ để thu lợi nhuận mà không được sự cho phép của chủ sở hữu. Khác với bảo hộ quyền tác giả, bảo hộ quyền nhân thân của tác giả là quan trọng thì bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp ưu tiên bảo vệ đối tượng sở hữu công nghiệp đó.

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp

1.1.2.1. Khái niệm hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp

Chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp là thuật ngữ chỉ việc chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp. Để phân tích khái niệm hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp thì cần phân tích quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp hay quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp là gì.

- Đối với nhãn hiệu, quyền sử dụng nhãn hiệu là việc chủ thể quyền thực hiện các hành vi như gắn nhãn hiệu được bảo hộ lên hàng hóa, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh... hay lưu thông, chào bán, quảng cáo để bán hàng hóa mang nhãn hiệu được bảo hộ⁴.

³ Trần Khánh Ly, Luận văn thạc sĩ luật học (2015), "Chuyển giao quyền sử dụng các đối tượng sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật Việt Nam", Đại học Quốc gia Hà Nội

⁴ Khoản 5 điều 124 luật sở hữu trí tuệ 2005 sửa đổi bổ sung 2009

- Đối với sáng chế, quyền sử dụng sáng chế là quyền cho phép chủ sở hữu khai thác đối tượng SHCN thông qua các hành vi như sản xuất sản phẩm được bảo hộ, áp dụng quy trình được bảo hộ⁵... Chủ sở hữu đối tượng SHCN có toàn quyền sử dụng, ngăn cấm người khác sử dụng và định đoạt đối tượng SHCN. Trong đó, quyền sử dụng của chủ sở hữu là quan trọng nhất, cho phép chủ sở hữu có quyền khai thác các lợi ích vật chất của đối tượng SHCN. Theo đó, chủ sở hữu dùng quyền của mình hoặc chuyển quyền sử dụng đối tượng SHCN.

1.1.2.2. Đặc điểm hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp

Thứ nhất, hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp là một hình thức khai thác thương mại đối với đối tượng SHCN, qua đó chủ sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp thu về một khoản tiền (phí chuyển quyền sử dụng) hoặc lợi ích vật chất khác mà không phải trực tiếp sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.

Thứ hai, về phạm vi chuyển quyền sử dụng trong hợp đồng.

Thứ ba, hình thức của hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp bắt buộc bằng văn bản⁶.

Thứ tư, hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp có đối tượng là quyền tài sản (hay tài sản).

Thứ năm, việc chuyển quyền sử dụng quyền SHCN không làm mất đi các quyền năng của chủ sở hữu.

1.1.3. Phân loại hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp

1.1.3.1. Căn cứ vào đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền SHCN là quyền sử dụng đối tượng SHCN chứ không phải là đối tượng SHCN đó, bao gồm quyền sử dụng sáng chế, quyền sử dụng nhãn hiệu, quyền sử dụng kiểu dáng công nghiệp, quyền sử dụng bí mật kinh doanh, quyền sử dụng thiết kế bố trí.

- Hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền SHCN đối với sáng chế:

- Hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền SHCN đối với nhãn hiệu:

- Hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền SHCN đối với kiểu dáng công nghiệp:

- Hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền SHCN đối với thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn

⁵ Khoản 1 điều 124 luật sở hữu trí tuệ 2005 sửa đổi bổ sung 2009

⁶ Khoản 2 điều 141 Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2009

- Hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền SHCN đối với bí mật kinh doanh

1.1.3.2. Căn cứ phạm vi quyền của bên nhận li-xăng chuyển giao

- Hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền SHCN độc quyền:

- Hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền SHCN không độc quyền:

1.1.3.3. Căn cứ tính tự nguyện

- Hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền SHCN tự nguyện (li xăng theo hợp đồng): là Hợp đồng theo sự thỏa thuận của bên giao và bên nhận.

- Hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền SHCN không tự nguyện (li xăng cưỡng bức):

1.1.3.4. Căn cứ vào khả năng chuyển tiếp

- Hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền SHCN cơ bản: Là hợp đồng mà bên chuyển quyền là chủ sở hữu đối tượng SHCN, theo đó chủ sở hữu đối tượng SHCN cho phép cá nhân, tổ chức khác sử dụng đối tượng SHCN đó.

- Hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền SHCN thứ cấp: Là hợp đồng mà theo đó bên chuyển quyền là người được chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp đó theo một hợp đồng khác và được chủ sở hữu đối tượng SHCN cho phép chuyển quyền cho bên thứ ba.

1.2. Khung pháp luật về hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp

1.2.1. Pháp luật về chủ thể của hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp

Chủ thể của hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp gồm hai bên: Bên chuyển quyền sử dụng (bên giao) và bên được chuyển quyền sử dụng (bên nhận).

1.2.2. Pháp luật về nội dung của hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp

Quyền sử dụng sáng chế: Chủ sở hữu quyền SHCN đối với sáng chế có độc quyền thực hiện những hành vi nêu tại khoản 1 Điều 124 Luật SHTT năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2009 cho việc sử dụng sáng chế của mình. Chuyển quyền sử dụng đối với sáng chế là việc chủ sở hữu sáng chế hoặc người được chủ sở hữu chuyển quyền sử dụng và cho phép chuyển quyền sử dụng cho bên thứ ba cho phép các tổ chức, các nhân khác được thực hiện những hành vi nêu trên.

1.2.3. Pháp luật về hình thức của hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp.

Hình thức theo hợp đồng bắt buộc phải lập thành văn bản, thể hiện đầy đủ thỏa thuận của hai bên, các hợp đồng thể hiện bằng lời nói, thư từ, điện báo,... đều không có giá trị pháp lý. Đây là một trong những vướng mắc về quy định của pháp luật mà tác giả sẽ phân tích ở Chương 2.

1.3. Khái quát pháp luật một số nước về hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp và những kinh nghiệm cho pháp luật Việt Nam

1.3.1. Khái quát pháp luật một số nước về Hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp

Thứ nhất, hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp theo pháp luật Liên minh Châu Âu⁷

Thứ hai, hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp theo pháp luật Hoa Kỳ

Thứ ba, hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp theo pháp luật Trung Quốc⁸

Thứ tư, hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp theo pháp luật Vương Quốc Anh

1.3.2. Những kinh nghiệm cho pháp luật Việt Nam

Hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực hiện nay vẫn đang là xu hướng tất yếu của nền kinh tế nước ta.

Thứ nhất, cách tiếp cận về hợp đồng.

Thứ hai, về vấn đề nội dung trong hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp.

Thứ ba, pháp luật riêng về vấn đề SHCN

⁷ Bùi Thị Minh, Luận văn Thạc sĩ luật học (2015), “Hợp đồng li xăng nhãn hiệu hàng hóa trong thương mại quốc tế theo pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài”, Đại học Quốc gia Hà Nội

⁸ Bùi Thị Minh, Luận văn thạc sĩ luật học (2015), “Hợp đồng li xăng nhãn hiệu hàng hóa trong thương mại quốc tế theo pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài, Đại học Quốc gia Hà Nội – Luận văn thạc sĩ, trang 27.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 1

Trong chương 1, luận văn đã thực hiện được ba vấn đề:

Thứ nhất, luận đã chỉ ra một cách khái quát về khái niệm và đặc điểm cơ bản của quyền sở hữu công nghiệp và hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ trên cơ sở lý luận qua việc phân tích để làm rõ đặc trưng của hợp đồng chuyển quyền SHCN. Từ đó nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của quyền sở hữu công nghiệp cũng như hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng SHCN. Chuyển quyền sử dụng sở hữu công nghiệp góp phần phổ biến công nghệ, hạn chế độc quyền và thúc đẩy việc tạo ra công nghệ mới. Vì vậy, có thể nói rằng chuyển quyền sử dụng sở hữu công nghiệp đem lại lợi ích cho chủ sở hữu công nghiệp, người được chuyển quyền sử dụng sở hữu công nghiệp và toàn xã hội nói chung. Tạo nền tảng cho sự phát triển kinh tế - xã hội thúc đẩy phát huy sáng tạo, bảo vệ quyền SHCN.

Thứ hai, đã xác định được khung pháp luật về hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng của quyền sở hữu công nghiệp làm cơ sở lý luận cho nghiên cứu ở những chương sau.

Thứ ba, đã khái quát một số quy định pháp luật của các nước trên thế giới, song song đó so sánh, đánh giá sự tương thích, sự khác nhau về pháp luật của Việt Nam với quốc tế, đồng thời rút ra những kinh nghiệm cho Việt Nam trong công cuộc xây dựng hành lang pháp lý về chuyển quyền sử dụng quyền SHCN.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

2.1. Thực trạng pháp luật về hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp

2.1.1. Pháp luật hiện hành về hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp

Pháp luật hiện hành điều chỉnh hoạt động chuyển quyền sử dụng quyền SHCN của Việt Nam bao gồm nhiều các văn bản pháp luật, cụ thể, Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2009 trong chương X, từ Điều 141 đến Điều 150 đề quy định chi tiết về chuyển quyền sử dụng quyền SHCN, làm rõ chủ thể có quyền chuyển quyền, những đối tượng SHCN có thể được chuyển giao, hạn chế chuyển giao, phương thức chuyển giao, hợp đồng chuyển giao và các điều kiện đi kèm với việc chuyển giao những đối tượng SHCN cụ thể.

2.1.1.1. Pháp luật về chủ thể của hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp

Chủ thể của hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp gồm hai bên: Bên chuyển quyền sử dụng (bên giao) và bên được chuyển quyền sử dụng (bên nhận).

2.1.1.2. Pháp luật về nội dung của hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp.

Nội dung của hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền SHCN được quy định cụ thể tại Điều 144 Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2009 như sau:

2.1.1.3. Pháp luật về hình thức của hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp.

Hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền SHCN có thể là li - xăng độc quyền, li - xăng không độc quyền; hợp đồng sơ cấp, hợp đồng thứ cấp được quy định và thể hiện cụ thể trong nội dung hợp đồng.

2.1.2. Đánh giá những quy định pháp luật hiện hành về hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp

Sự ra đời của Luật sở hữu trí tuệ năm 2005, và được sửa đổi bổ sung năm 2009 cùng các nghị định, thông tư hướng dẫn về các điều

khoản trong quyền sở hữu công nghiệp, tạo hành lang pháp lý cho hoạt động chuyển quyền sử dụng quyền SHCN.

2.1.2.1. Về chủ thể hợp đồng

Như đã phân tích ở mục 2.1.1.1 về chủ thể của hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền SHCN thì chủ thể hợp đồng gồm chủ sở hữu đối tượng SHCN hoặc bên có quyền sử dụng đối tượng SHCN theo một hợp đồng chuyển quyền với chủ sở hữu đối tượng SHCN trước đó.

2.1.2.2. Về nội dung và hình thức hợp đồng

Nội dung của hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp đã được quy định cụ thể tại khoản 1 Điều 144 Luật SHTT năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Nhìn chung, quy định của pháp luật Việt Nam về các nội dung của hợp đồng li - xăng không thực sự rõ ràng. Cụ thể, Khoản 1 Điều 144 Luật SHTT quy định:

Thứ nhất, về nội dung về thông tin các bên (điểm a Khoản 1 Điều 144 Luật SHTT năm 2009 sửa đổi, bổ sung năm 2009) và dạng hợp đồng.

Thứ hai, về nội dung các điều khoản trong hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền SHCN

Thứ ba, về hiệu lực của hợp đồng.

Thứ tư, về hình thức hợp đồng.

2.2. Thực tiễn và những vướng mắc trong thực hiện hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp

2.2.1. Tình hình thực hiện hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp

Các quy định của pháp luật đóng luôn đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong việc điều chỉnh hoạt động chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp thông qua hợp đồng li - xăng.

2.2.2. Thực tiễn và những vướng mắc trong thực hiện hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp

2.2.2.1. Thực tiễn và vướng mắc về chủ thể trong thực hiện hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp

Thứ nhất, vướng mắc cách hiểu về người có quyền chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp.

Thứ hai, thực tiễn hoạt động đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp và vướng mắc về chủ thể hợp đồng có yếu tố nước ngoài.

2.2.2.2. Thực tiễn và vướng mắc về nội dung và hình thức trong thực hiện hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp

Thứ nhất, quy định về các điều khoản phải có trong nội dung hợp đồng.

Thứ hai, về hiệu lực của hợp đồng và yêu cầu về đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng SHCN.

Thứ ba, về đối tượng của hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền SHCN (xem phụ lục 2.2, nguồn kèm theo phụ lục)

Thứ tư, về hình thức của hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền SHCN là bằng văn bản.

Thứ năm, về pháp luật điều chỉnh hợp đồng li xãng.

Thứ sáu, về điều khoản hạn chế trong hợp đồng.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 2

Trong chương 2, luận văn đã thực hiện được các nội dung sau đây:

Thứ nhất, phân tích pháp luật hiện hành về quy định hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền SHCN qua đó đánh giá thực trạng pháp luật về hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền SHCN; qua phân tích, đánh giá có thể thấy nội dung pháp luật ngoài những điểm tích cực còn có những vướng mắc, thiếu sót như về chủ thể hợp đồng, nội dung hợp đồng, hình thức hợp đồng, việc đăng ký hợp đồng với cơ quan nhà nước. Việc tạo hành lang pháp lý cho hoạt động chuyển quyền sử dụng đối tượng SHCN rất quan trọng, thông qua nội dung này một lần nữa khái quát lại nội dung pháp luật về hợp đồng li xãng, nhằm đưa ra được các giải pháp phù hợp với nền tảng pháp lý và thực tiễn xã hội Việt Nam;

Thứ hai, sử dụng số liệu để thống kê, phân tích, làm rõ sự phát triển, hay những hạn chế trong hoạt động chuyển quyền cũng như việc đăng ký hợp đồng chuyển quyền này thông qua đó có thể rút ra những ưu điểm, hạn chế trong quá trình thực hiện pháp luật ngoài thực tiễn.

Chương 2 đánh giá toàn bộ quy định của pháp luật cũng như việc thực hiện pháp luật trên thực tế một cách tổng quát, nhận xét những mặt tốt và những mặt chưa hoàn chỉnh để từ đó nhìn nhận ra hướng giải quyết cụ thể.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp

Việc hoàn thiện pháp luật về hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp phải đáp ứng được các định hướng sau đây:

Thứ nhất, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng quyền sở hữu công nghiệp

Thứ hai, thúc đẩy sự phát triển của kinh tế - xã hội

Thứ ba, đáp ứng nhu cầu người sử dụng

Thứ tư, thúc đẩy sự sáng tạo trong điều kiện hội nhập quốc tế.

3.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật

Từ quan điểm của Đảng và Nhà nước, Việt Nam đã thừa nhận vai trò quan trọng của các tài sản trí tuệ nhất là đối tượng liên quan đến sáng tạo ngày càng được đề cao. Ngoài ra, Nhà nước cũng chú ý đề cập đến lợi ích của việc ứng dụng các nghiên cứu khoa học công nghệ, khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới và chuyển giao công nghệ, chuyển quyền sử dụng đối tượng SHCN. Do đó hoàn thiện pháp luật về hoạt động chuyển quyền sử dụng quyền SHCN là mục tiêu trong đổi mới, hội nhập và phát triển.

Thứ nhất, về chủ thể hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền SHCN.

Thứ hai, quy định về điều khoản hợp đồng.

Thứ ba, về hiệu lực của hợp đồng.

Thứ tư, quy định về hình thức văn bản.

Thứ năm, về pháp luật điều chỉnh hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp.

Thứ sáu, về điều khoản hạn chế bất hợp lý trong hợp đồng.

3.2.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp

Thứ nhất, nhằm giảm bớt việc đăng ký có phần gây phiền phức, tốn thời gian và chi phí cần phát triển công nghiệp thông tin vào hoạt động đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền SHCN này.

Thứ hai, cần có sự tuyên truyền, phổ biến rộng quy định pháp luật hoạt động chuyển quyền sử dụng đối tượng SHCN cho các chủ thể, người dân.

Thứ ba, tăng cường cơ chế kiểm tra, giám sát việc vi phạm quyền đối với đối tượng SHCN sau khi đã hết thời hạn hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời hành vi vi phạm quyền SHCN.

Thứ tư, hình thành các trung tâm tư vấn về chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp

Mô hình tư vấn chuyển giao QSHCN ở nước ta còn rất hạn chế, để các doanh nghiệp có khả năng chuyển giao QSHCN nói chung và quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp nói chung thì việc hình thành các trung tâm hỗ trợ, tư vấn trong lĩnh vực này là cần thiết.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Từ việc phân tích khái quát về hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp và đánh giá thực trạng nội dung pháp luật Việt Nam quy định về hoạt động chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp cũng như thực tiễn hoạt động thực hiện pháp luật trên thực tế tại chương 1 và chương 2, ở chương 3 tác giả đã nêu ra định hướng yêu cầu hoàn thiện pháp luật nhằm các mục tiêu phát triển hiệu quả đối tượng sở hữu công nghiệp, thúc đẩy kinh tế - xã hội, thúc đẩy sự sáng tạo trong hội nhập quốc tế... Từ đó đã đưa ra những giải pháp đóng góp hoàn thiện hệ thống pháp luật một cách cụ thể về hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp như chủ thể, nội dung, hình thức hay đăng ký hợp đồng và đồng thời đưa ra các phương án nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật lấy con người làm trung tâm như đẩy mạnh phát triển các ứng dụng CNTT để tự động hóa các thao tác chuyên môn, rút ngắn thời gian xử lý và nâng cao chất lượng xử lý đơn; rà soát, sửa đổi các quy chế thẩm định đơn; đẩy mạnh hoạt động đào tạo kiến thức và nghiệp vụ SHCN cho các Viện nghiên cứu, các trường đại học, các doanh nghiệp; tăng cường công tác phối hợp, hỗ trợ các cơ quan thực thi, qua đó tạo niềm tin cho hoạt động nghiên cứu triển khai phát triển đối tượng quyền SHCN.

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu đề tài chúng tôi rút ra một số kết luận sau đây:

Việt Nam đang trên quá trình phát triển và hội nhập quốc tế song song với đó, hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp là một vấn đề rất đáng được quan tâm và hoàn thiện. Qua quá trình nghiên cứu có thể thấy hệ thống pháp luật Việt Nam về hoạt động này khá cụ thể, tạo tiền đề vững chắc cho việc thực hiện pháp luật, tuy nhiên vẫn còn tồn tại, những hạn chế, vướng mắc trong quy định của pháp luật và việc thực tiễn thực hiện đòi hỏi nhà nước ta phải chú trọng hơn nữa nghiên cứu, đưa ra những chính sách mới phù hợp với thực tiễn xã hội hơn, dự liệu được sự thay đổi trong quá trình thực hiện pháp luật.

Luận văn là toàn bộ quá trình nghiên cứu, phân tích vấn đề chuyển quyền sử dụng đối tượng SHCN và hợp đồng sử dụng đối tượng SHCN, tình hình pháp luật quy định về hợp đồng sử dụng đối tượng SHCN. Từ đó, nêu ra được những quy định của pháp luật là cơ sở cho sự phát triển của hoạt động chuyển quyền sử dụng đối tượng SHCN cũng như đưa ra những vướng mắc, hạn chế trong quy định của pháp luật về hợp đồng sử dụng đối tượng SHCN.

Luận văn đã đưa ra những giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật cũng như phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội hiện nay, đã đóng góp một phần nhỏ vào việc nghiên cứu hoàn thiện chế định về hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng SHCN, khẳng định cần có nhiều hơn những công trình nghiên cứu, đánh giá nhằm hoàn thiện hơn hệ thống pháp luật hiện hành đồng thời có hiệu quả trong thực hiện pháp luật trên thực tiễn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ khoa học, công nghệ và môi trường, Thông tư số 163/TT-SHCN ngày 15/4/1994 về hướng dẫn thi hành các quy định về phê duyệt và đăng ký hợp đồng li xăng.
2. Bùi Thị Minh (2015), Luận văn thạc sĩ luật học, “*Hợp đồng li - xăng nhãn hiệu hàng hóa trong thương mại quốc tế theo pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài*”, Đại học Quốc gia Hà Nội
3. Công ty Luật Minh Anh, “*Li xăng Nhãn Hiệu hàng hóa, dạng của hợp đồng li xăng nhãn hiệu*”, <http://www.luatminhanh.vn/li-xang-nhan-hieu-hang-hoa.html>, truy cập ngày 9/2/2018
4. Công ty Luật Sở hữu trí tuệ Trường Giang, *Chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp*; <https://ageless.com.vn/vi/tu-van/chuyen-quyen-su-dung-doi-tuong-so-huu-cong-nghiep/>, truy cập ngày 9/2/2018.
5. Công ước thành lập tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới WIPO tại Stockholm ngày 14/7/1967.
6. Đại học Luật Hà Nội, (2008, tái bản năm 2012), *Giáo trình Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam*, NXB Công an Nhân dân.
7. Đại sứ quán Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, *Khái quát hệ thống pháp luật Hoa Kỳ*.
8. Đoàn Đức Lương (2012), *Giáo trình pháp luật sở hữu trí tuệ*, Nhà xuất bản chính trị Quốc gia - sự thật, Hà Nội.
9. Dazpro Lawfirm (2015), “*Li-xăng - chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ*” ,<http://www.sohuutritue.dazpro.com/chuyen-nhuong/li-xang---chuyen-giao-quyen-so-huu-tri-tue> , truy cập ngày 8/2/2018.
10. Hiệp định liên quan đến cách khía cạnh thương mại của quyền sở hữu trí tuệ - TRIPS
11. Hồ Thúy Ngọc (2010), *Quyền sở hữu trí tuệ và hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp*, Tạp chí kinh tế đối ngoại số 42, Đại học Ngoại thương.
12. Hoàng Lan Phương (2011), Luận văn thạc sĩ, “*Pháp luật Việt Nam về thương mại hóa quyền Sở hữu trí tuệ*”, Hà Nội
13. Lê Nét (2006), Tài liệu bài giảng quyền Sở hữu trí tuệ, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM.
14. Nguyễn Bá Diễm (2010), “*Thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong tiến trình hội nhập quốc tế - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*”, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

15. Nguyễn Bá Diển, (2010) “ *Bản chất và các loại hình hợp đồng li-xăng*”. Tạp chí khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội.
16. Phan Quốc Nguyên (2015), “*Hoàn thiện các quy định pháp luật về điều kiện bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế ở Việt Nam*”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật.
17. Phan Quốc Nguyên (2016), Luận án tiến sĩ luật học, “*Pháp luật về các hình thức khai thác thương mại đối với sáng chế tại Việt Nam*”, Đại học Quốc gia Hà Nội.
18. Quốc hội, Bộ luật dân sự năm 2005
19. Quốc hội, Bộ luật dân sự năm 2015.
20. Quốc hội, Luật Chuyển giao công nghệ năm 2006
21. Quốc hội, Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2009
22. Trần Khánh Ly, (2015), luận văn thạc sĩ luật học, “ *Chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật Việt Nam*”, Đại học Quốc gia Hà Nội.
23. Trung tâm thương mại quốc tế (2004), “*Những điều chưa biết về Sở hữu trí tuệ (tài liệu dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa)*”.
24. WIPO (2013), *Sở hữu trí tuệ dành cho doanh nghiệp (Bộ phận doanh nghiệp vừa và nhỏ)*, <http://www.wipo.int/sme>, truy cập ngày 10/2/2018.
25. WIPO (2001), *Cẩm nang sở hữu trí tuệ, chính sách, pháp luật và áp dụng*, Bản dịch WIPO Intellectual Property Handbook: Policy, Law and Use, phát hành bởi cục SHTT với sự cho phép và tài trợ của tổ chức SHTT thế giới.
26. Viện nghiên cứu lập pháp (2014), *Pháp luật Liên Minh Châu Âu về hợp đồng li-xăng nhãn hiệu và một số bài học kinh nghiệm*, Tạp chí nghiên cứu pháp luật.
27. Harness, Dickey & Pierce (1989), Summary of talk on patent licensing given by Mr. John Sobesky, senior partner with the Michigan patent law firm, *Patent License Agreement*, http://www.ietf.org/ietf-ftp/IPR/certicom_smime_license.pdf, truy cập này 27/2/2018
28. Lionel Bently và Brad Sherman; Holyoak và Torremans, *Liên quan đến lợi ích của việc đăng ký hợp đồng chuyển nhượng và chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp ở Anh*.
29. National People’s Congress of the People’s Republic of China (2013), *Trademark Law of the People’s Republic of China*, Bridge IP Law Commentary.

30. United States National Archives and Record Administration(2013),
“The Constitution of the United State”, <https://www.archives.gov>, truy cập ngày 27/2/2018.
31. <http://www.china.org.cn>